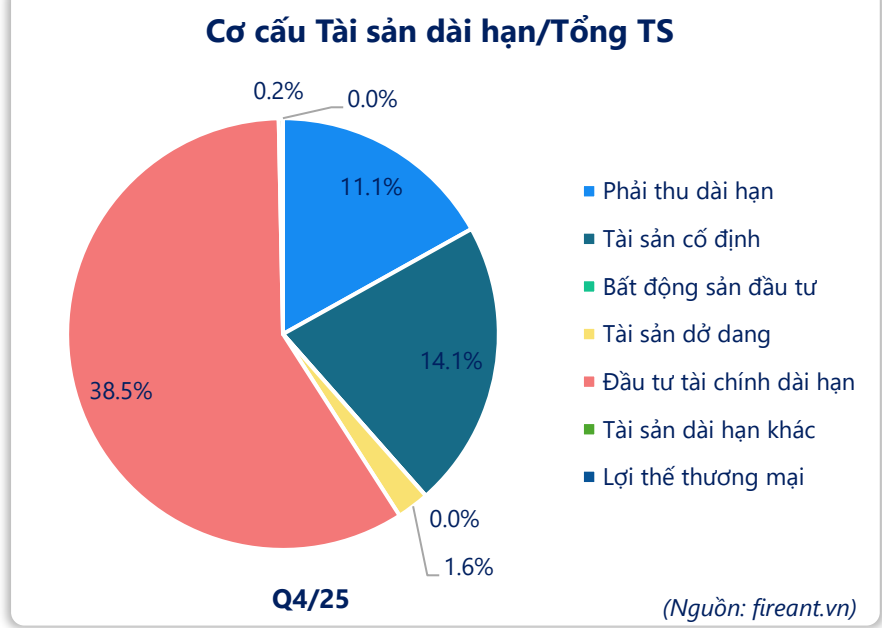
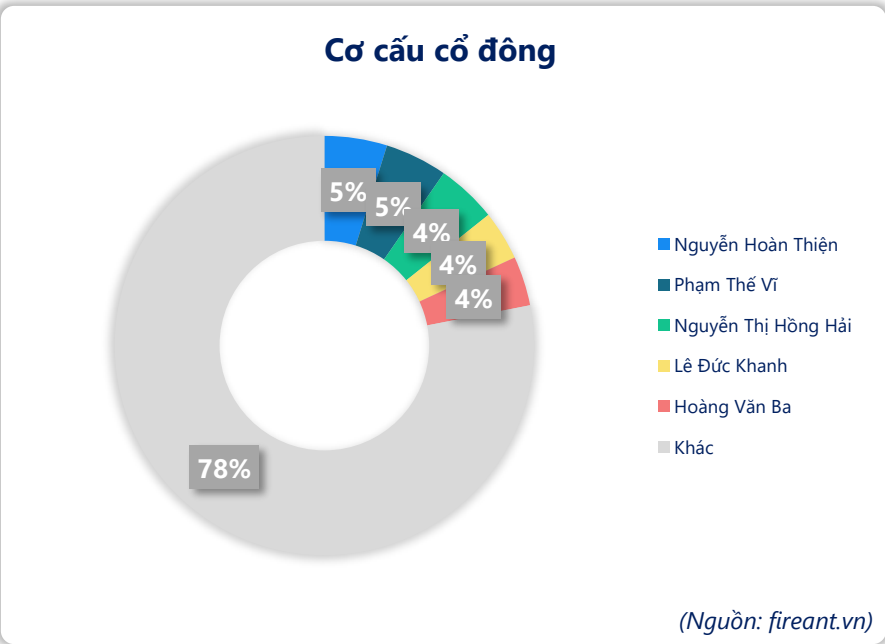
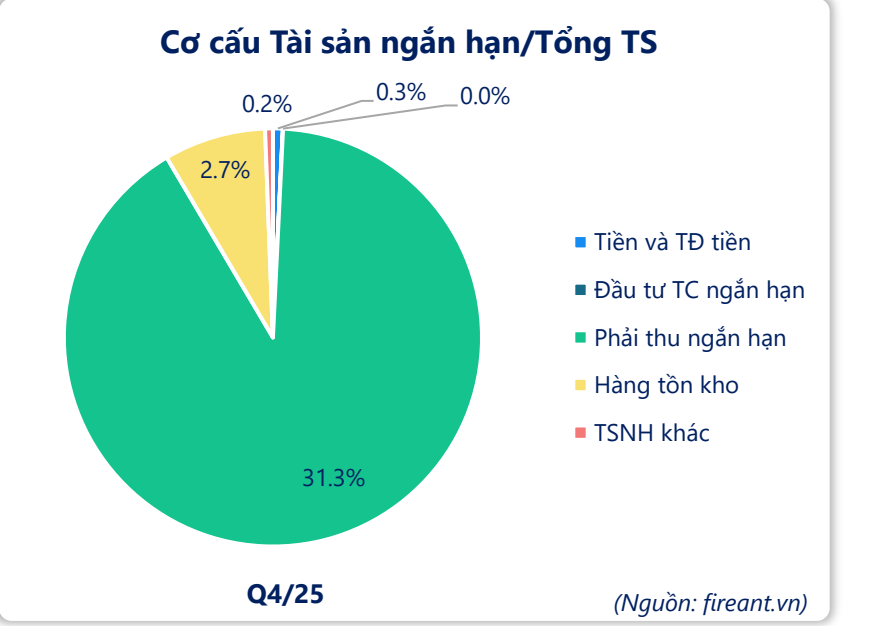
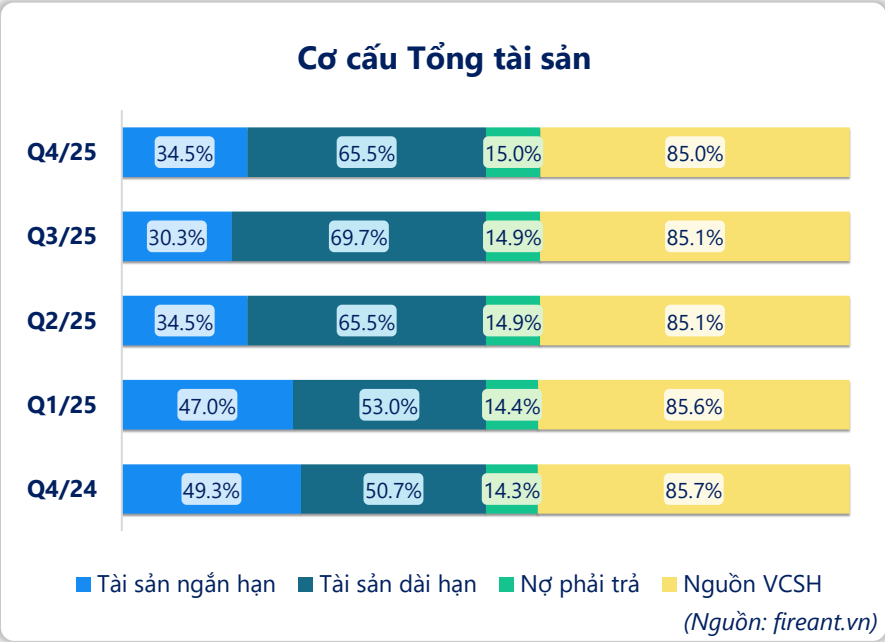
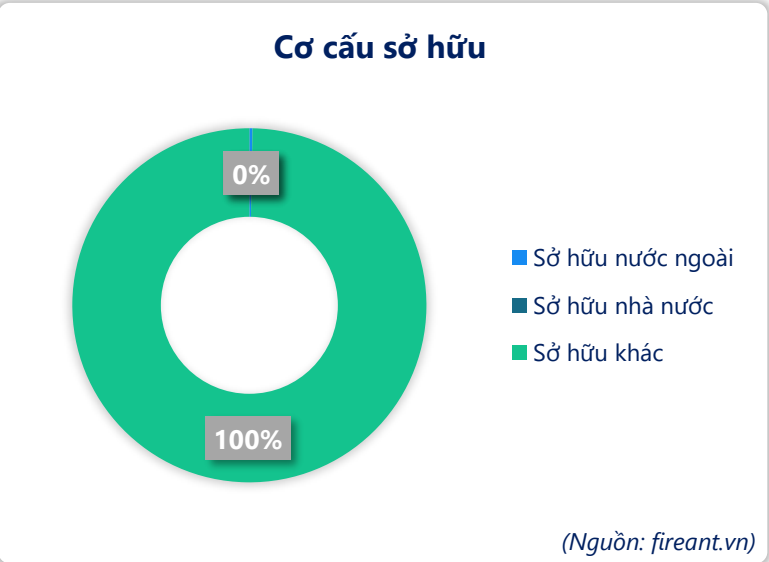
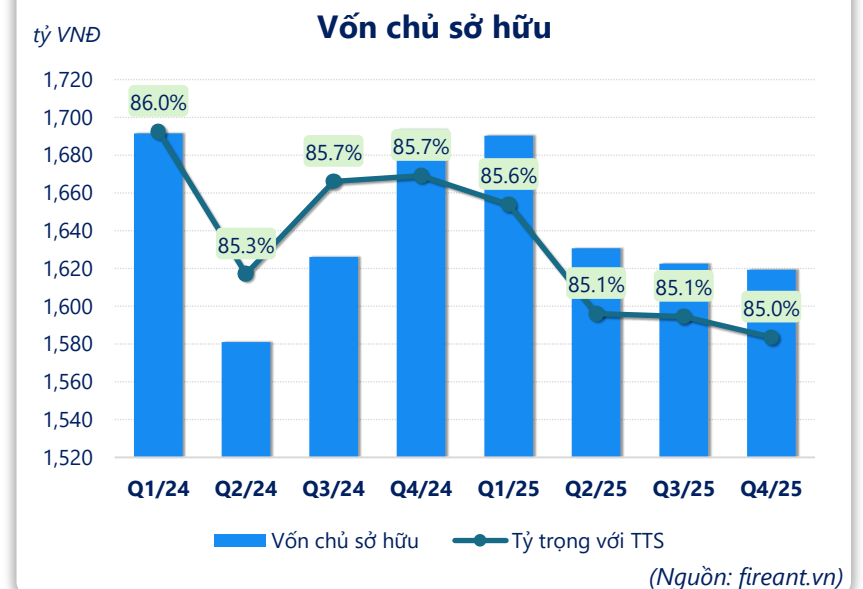
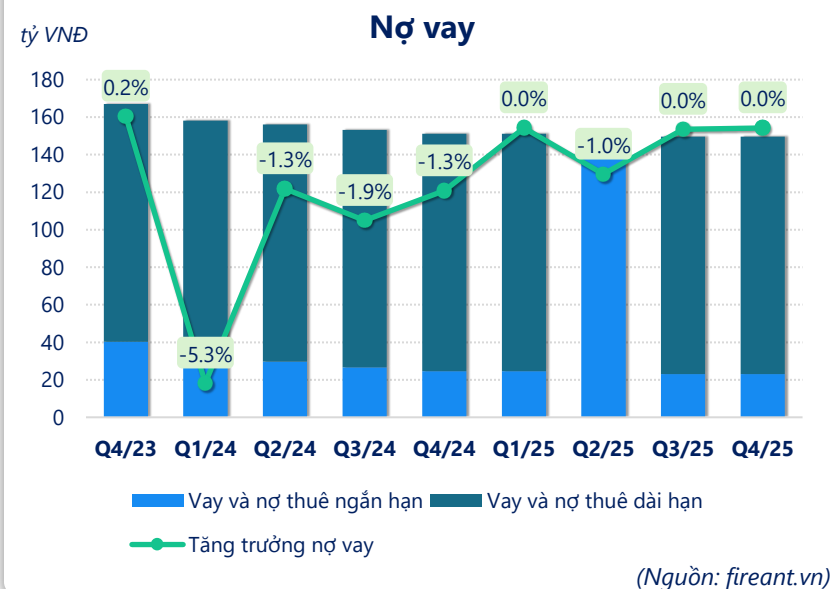
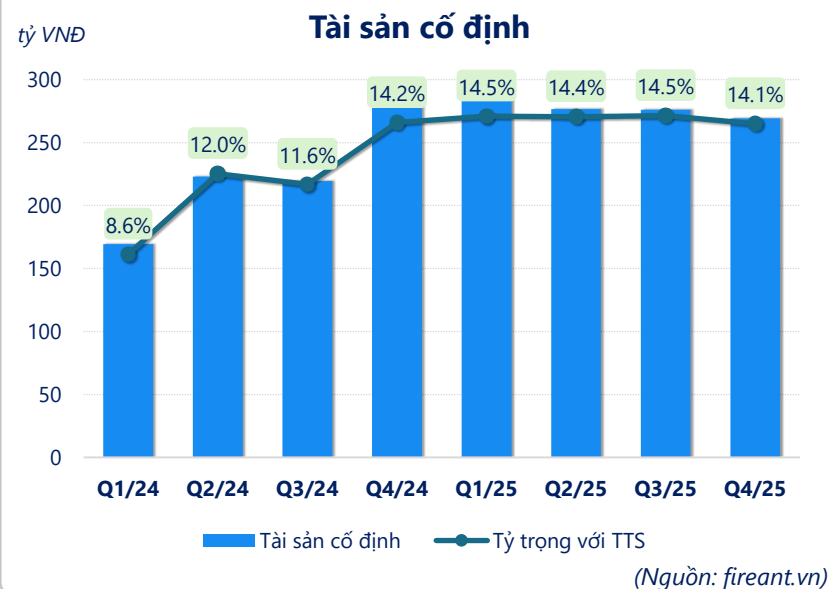
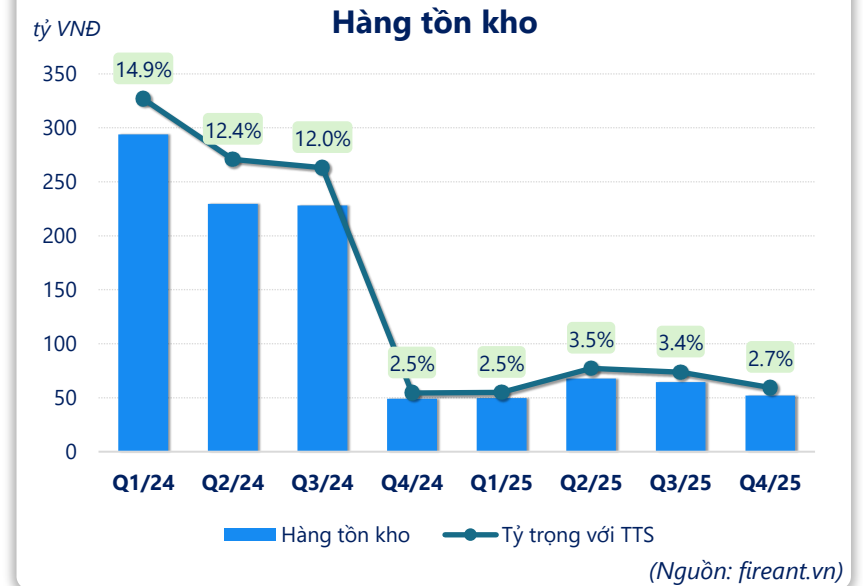
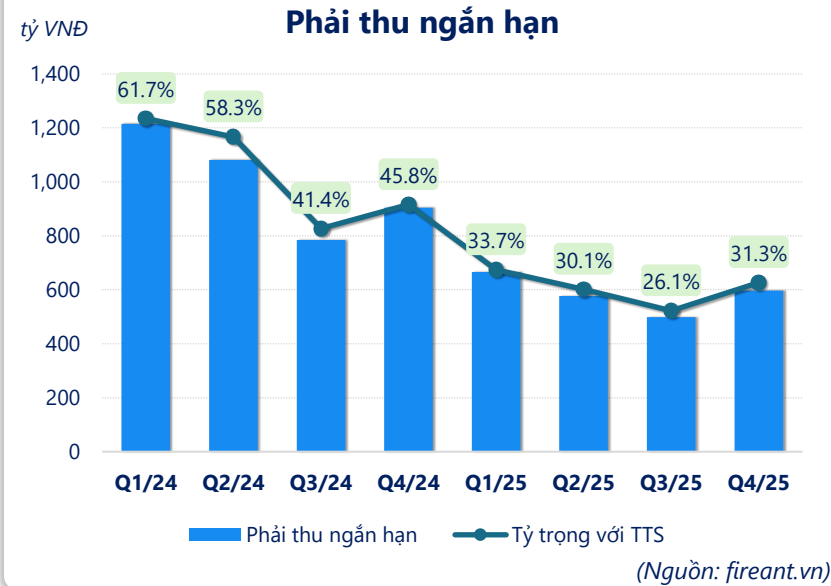
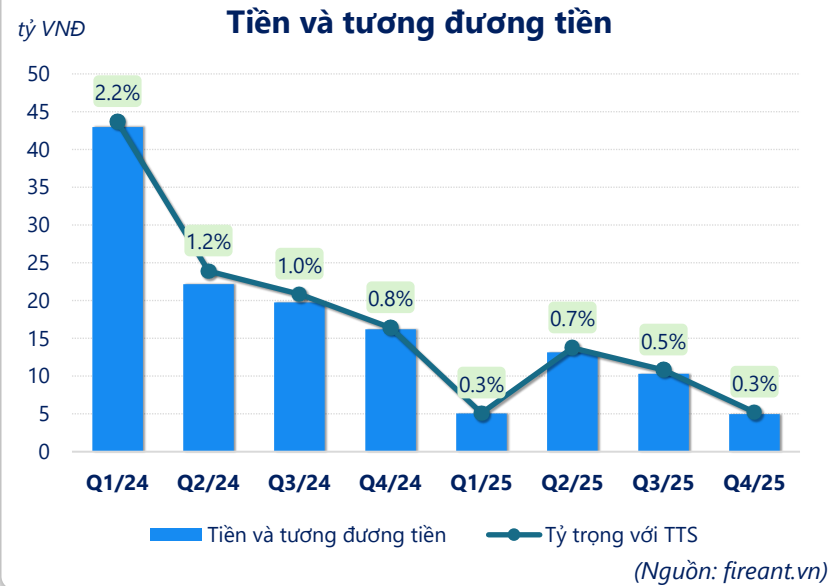
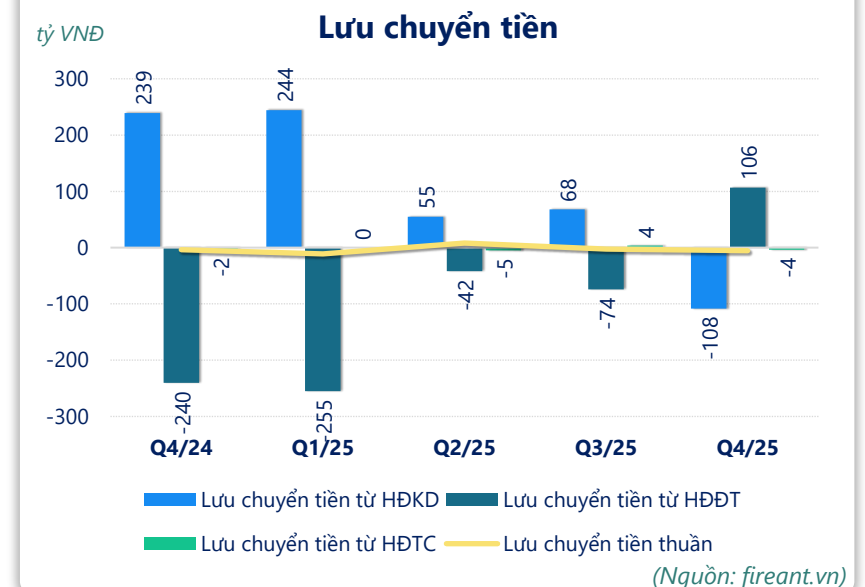
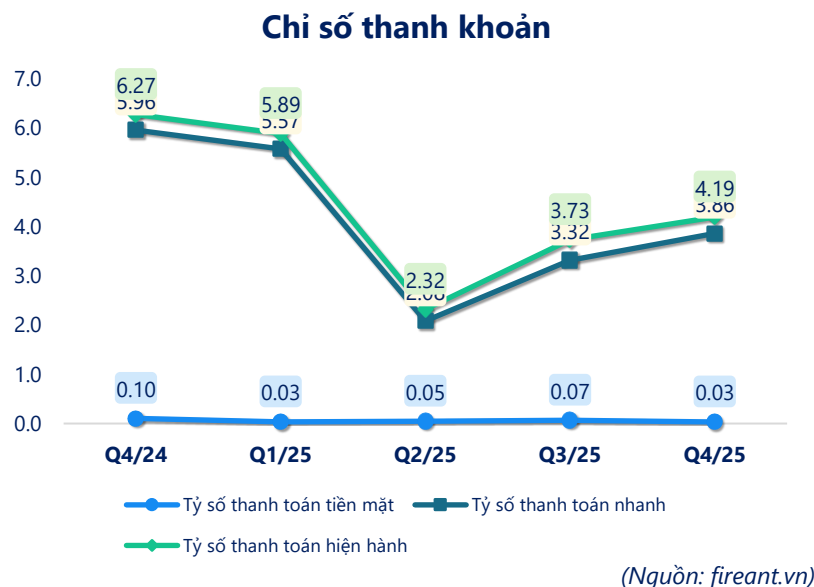
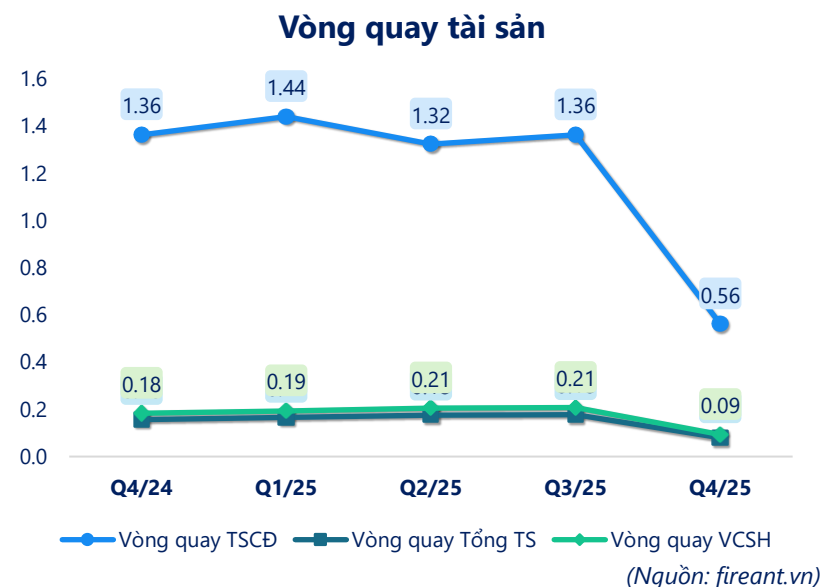
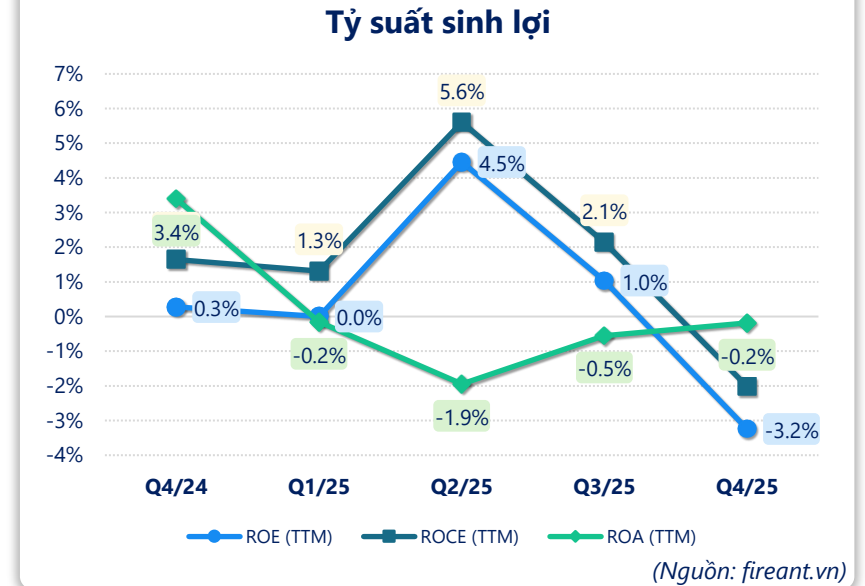
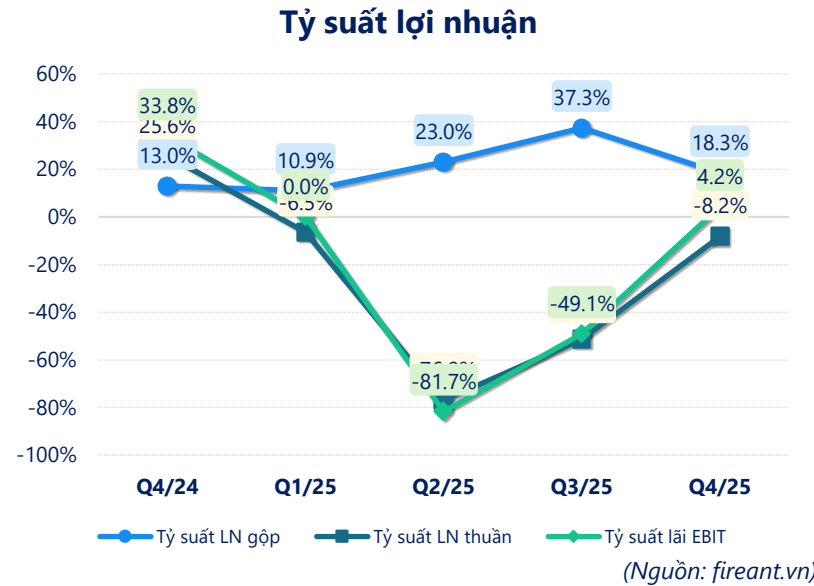
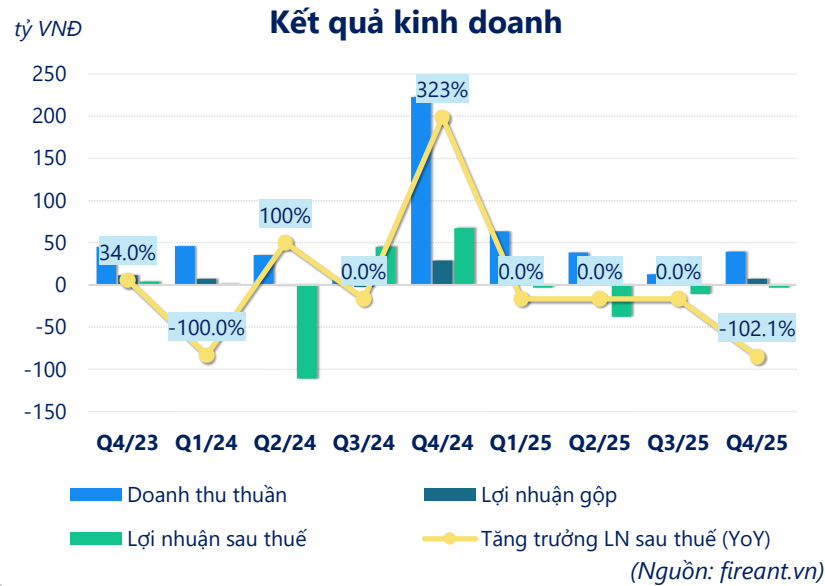


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		2,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,400
SL cổ phiếu LH		131,105,650
KLGD BQ 20 phiên (CP)		
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		262
P/E		-4.9
EPS		-410

	YTD	1T	3T	6T
AMV	33.3%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,906	1,975	-3.5%
Tài sản ngắn hạn	658	973	-32.4%
Tiền và tương đương tiền	4.98	16.2	-69.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.10	0.10	0.0%
Phải thu ngắn hạn	597	904	-34.0%
Hàng tồn kho	51.9	49.1	5.6%
Tài sản ngắn hạn khác	3.96	3.59	10.3%
Tài sản dài hạn	1,248	1,002	24.5%
Phải thu dài hạn	211	61.9	241%
Tài sản cố định	269	280	-3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	30.3	37.2	-18.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	733	620	18.2%
Tài sản dài hạn khác	3.85	2.51	53.4%
Lợi thế thương mại	0.12	0.28	-55.4%
Nợ phải trả	286	282	1.7%
Nợ ngắn hạn	157	155	1.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.1	24.6	-6.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.7	15.2	35.9%
Nợ dài hạn	129	127	2.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	127	127	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,619	1,693	-4.4%
Vốn chủ sở hữu	1,619	1,693	-4.4%
Vốn điều lệ	1,311	1,311	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	223	63.6	38.5	12.7	39.5
Giá vốn hàng bán	194	56.6	29.6	7.95	32.3
Lợi nhuận gộp	28.9	6.94	8.85	4.74	7.24
Doanh thu HĐTC	0.75	0.41	1.01	0.62	0.75
Chi phí TC	5.02	5.44	3.84	4.63	4.79
Chi phí lãi vay	5.04	4.20	5.04	4.29	5.02
LN trong công ty LKLD	-1.57	-1.45	-1.18	-2.61	-1.26
Chi phí bán hàng	0.14	0.14	0.14	0.07	0.07
Chi phí QLDN	-34.2	4.47	34.3	4.56	5.11
LN thuần từ HĐKD	57.1	-4.15	-29.6	-6.51	-3.23
Lợi nhuận khác	13.1	-0.02	-6.87	-4.01	-0.12
LN trước thuế	70.2	-4.17	-36.5	-10.5	-3.36
Lợi nhuận sau thuế	67.3	-3.39	-37.6	-10.9	-3.29
LNST của CĐ cty mẹ	67.1	-3.07	-36.7	-10.5	-3.54

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	239	244	55.0	67.9	-108
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-240	-255	-42.0	-74.3	106
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.10	0	-4.95	3.50	-3.55
Tiền đầu kỳ	19.8	16.2	5.05	13.2	10.3
Lưu chuyển tiền thuần	-3.58	-11.1	8.11	-2.85	-5.32
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.2	5.05	13.2	10.3	4.98

(Nguồn: fireant.vn)